

Số: 3935/QĐ-ĐHM

Hà Nội, ngày 07 tháng 11 năm 2025

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận sinh viên hưởng trợ cấp xã hội học kỳ I năm học 2025-2026 theo Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 535-TTg ngày 03/11/1993 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Viện Đại học Mở Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1723/QĐ-TTg ngày 12 tháng 08 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh sách các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị Quyết số 4899/2024/NQ-ĐHM-HĐT ngày 01/11/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Mở Hà Nội về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Mở Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg, ngày 23 tháng 12 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;

Căn cứ Quyết định số 1771/QĐ-ĐHM ngày 06/6/2022 của Trường Đại học Mở Hà Nội về việc ban hành Quy định công tác sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh của Trường Đại học Mở Hà Nội;

Căn cứ vào biên bản họp ngày 07/11/2025 của Hội đồng xét duyệt sinh viên được hưởng chế độ miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập và trợ cấp xã hội học;

Xét đề nghị của Trường Phòng Tài chính – Kế toán, Trường Phòng Công tác Sinh viên,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công nhận 57 sinh viên tại các Khoa/Viện chuyên ngành thuộc Trường (có danh sách kèm theo) được hưởng trợ cấp xã hội học kỳ I năm học 2025-2026 theo Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg, ngày 23 tháng 12 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ.

**Điều 2.** Các sinh viên được nhận tiền trợ cấp xã hội từ Nhà trường.

Kinh phí chi trả từ Ngân sách Nhà nước (loại 070.081): 46.200.000đ.

Bằng chữ: *Bốn mươi sáu triệu, hai trăm ngàn đồng chẵn.*

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trường Phòng Tổ chức – Hành chính, Trường Phòng Tài chính – Kế toán, Trường Phòng Công tác Sinh viên, các Trường Khoa/Viện chuyên ngành thuộc Trường và sinh viên có tên ở Điều 1 có trách nhiệm thi hành quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu VT, Phòng CTSV.



PGS.TS Nguyễn Thị Nhung

**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN TIỀN TRỢ CẤP XÃ HỘI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026**  
(THEO QUYẾT ĐỊNH 1121/1997/QĐ-TTg; QUYẾT ĐỊNH SỐ /QĐ-ĐHM NGÀY / / )

Số TT	TT	Họ và tên	Mã số sinh viên	Số tài khoản	Tại Ngân hàng	Ngày sinh	Lớp	Khoa/Viện	Khóa học	Đối tượng	Số tiền	Ghi chú
1	1	Vũ Ngọc Trâm	23A1501D0024	1041689095	Vietcombank	08/09/2005	K31KTR	TDCN	2023-2028	Người dân tộc ít người ở vùng cao	840.000	
2	2	Nguyễn Thái Sơn	24A6301D0162	1050806887	Vietcombank	18/09/2006	K32ĐH	TDCN	2024-2029	Người khuyết tật	600.000	
3	1	Bàn Tiến Hiếu	22A4201D0094	1032549702	Vietcombank	16/05/2004	K31QT1	Kinh tế	2022 - 2026	Người dân tộc ít người ở vùng cao	840.000	
4	2	Hoàng Kim Huệ	22A4101D0104	1032475708	Vietcombank	26/03/2004	K31KT1	Kinh tế	2022 - 2026	Người dân tộc ít người ở vùng cao	840.000	
5	3	Trần Thị Thanh Diệu	22A4201D0047	1032550627	Vietcombank	01/09/2003	K31QT2	Kinh tế	2022 - 2026	Người dân tộc ít người ở vùng cao	840.000	
6	4	Lưu Thị Ngọc Mai	23A4101D0162	1041740646	Vietcombank	23/03/2005	K32KT1	Kinh tế	2023-2027	Người dân tộc ít người ở vùng cao	840.000	
7	5	Phản Thị Đánh	23A4101D0042	1041655434	Vietcombank	01/12/2005	K32KT3	Kinh tế	2023-2027	Người dân tộc ít người ở vùng cao	840.000	
8	6	Hà Thị Khánh Ly	23A4201D0158	1041740501	Vietcombank	29/07/2005	K32QT1	Kinh tế	2023-2027	Người dân tộc ít người ở vùng cao	840.000	
9	7	Bùi Thị Thúy Đào	24A4101D0046	1051224729	Vietcombank	05/09/2006	K33KT1	Kinh tế	2024 - 2028	Người dân tộc ít người ở vùng cao	840.000	
10	8	Ngô Như Bảo	24A4201D0044	1051224996	Vietcombank	06/03/2006	K33TM2	Kinh tế	2024 - 2028	Người dân tộc ít người ở vùng cao	840.000	
11	9	Lương Thị Thùy Trang	24A4201D0299	1051225498	Vietcombank	04/10/2006	K33QT1	Kinh tế	2024 - 2028	Người dân tộc ít người ở vùng cao	840.000	
12	10	La Thị Vân Anh	24A410100006	1051224342	Vietcombank	15/09/2005	K33KT1	Kinh tế	2024 - 2028	Người dân tộc ít người ở vùng cao	840.000	
13	11	Dương Minh Trúc	25A410100311	1061562343	Vietcombank	07/08/2006	K34KT3	Kinh tế	2025-2029	Người dân tộc ít người ở vùng cao	840.000	
14	12	Vi Thiên Long	25A4701D0067	1061448132	Vietcombank	26/02/2007	K34TM2	Kinh tế	2025-2029	Người dân tộc ít người ở vùng cao	840.000	
15	1	Triệu Thị Nguyệt	22A4501D0258	1032793459	Vietcombank	08/12/2004	2245A04	TCNH	2022-2026	Người dân tộc ít người ở vùng cao	840.000	
16	2	Lương Thanh Chúc	22A4501D0053	1032793258	Vietcombank	02/02/2002	2245A01	TCNH	2022-2026	Người dân tộc ít người ở vùng cao	840.000	
17	3	Nông Thị Tâm	23A4501D0316	1041741734	Vietcombank	08/04/2005	2345A011	TCNH	2023-2027	Người dân tộc ít người ở vùng cao	840.000	
18	4	Nguyễn Thị Thanh Hậu	23A4501D0117	1041741293	Vietcombank	25/11/2005	2345A011	TCNH	2023-2027	Mồ côi cha mẹ	600.000	
19	5	Lý Mạnh Hùng	24A4501D0164	1051182920	Vietcombank	18/10/2005	K17- 2445A014	TCNH	2024-2028	Người dân tộc ít người ở vùng cao	840.000	



Số TT	TT	Họ và tên	Mã số sinh viên	Số tài khoản	Tại Ngân hàng	Ngày sinh	Lớp	Khoa/Viện	Khóa học	Đối tượng	Số tiền	Ghi chú
20	6	Vũ Ngọc Thoa	24A4501D0388	1050847349	Vietcombank	11/12/2006	K17-2445A015	TCNH	2024-2028	Người dân tộc ít người ở vùng cao	840.000	
21	7	Lục Ngọc Anh	24A4501D0017	1051184516	Vietcombank	10/04/2005	K17- 2445A013	TCNH	2024-2028	Người dân tộc ít người ở vùng cao	840.000	
22	8	Bùi Chí Khiêm	24A4501D0196	1050811943	Vietcombank	26/06/2006	K17-2445A016	TCNH	2024-2028	Người dân tộc ít người ở vùng cao	840.000	
23	1	Tạ Thị Phương Giang	22A5001D0070	1032792469	Vietcombank	17/06/2005	2250A02	Luật	2022 - 2026	Mồ côi cha mẹ không nơi nương tựa	600.000	
24	2	Nguyễn Văn Châu	22A5101D0029	1032793188	Vietcombank	30/06/2004	2250A01	Luật	2022 - 2026	Mồ côi cha mẹ không nơi nương tựa	600.000	
25	3	Triệu Thụy Trinh	24A5101D0299	1050810402	Vietcombank	25/10/2006	2451A01	Luật	2024 - 2028	Mồ côi cha mẹ không nơi nương tựa	600.000	
26	4	Trần Ngọc Phương Thúy	25A5201D0109	1047696847	Vietcombank	19/11/2007	2552A01	Luật	2025-2029	Mồ côi cha mẹ không nơi nương tựa	600.000	
27	5	Bùi Thành Đạt	24A5101D0051	1050810697	Vietcombank	07/10/2006	2451A01	Luật	2024 - 2028	Người dân tộc ít người ở vùng cao	840.000	
28	6	Vương Lê Phương Thảo	21A510100314	1023914143	Vietcombank	14/12/2003	2151A02	Luật	2021 - 2025	Người dân tộc ít người ở vùng cao	840.000	
29	7	Lò Văn Hưng	22A5001D0109	1032792732	Vietcombank	15/05/2002	2250A02	Luật	2022 - 2026	Người dân tộc ít người ở vùng cao	840.000	
30	8	Lò Thị Huyền Trang	22A5001D0256	1032792902	Vietcombank	09/03/2004	2250A01	Luật	2022-2026	Người dân tộc ít người ở vùng cao	840.000	
31	9	Mã Bảo Uyên	22A5101D0278	1032793013	Vietcombank	19/04/2003	2251A01	Luật	2022 - 2026	Người dân tộc ít người ở vùng cao	840.000	
32	10	Hoàng Thị Anh Thư	22A5101D0242	1032793483	Vietcombank	04/10/2004	2251A01	Luật	2022 - 2026	Người dân tộc ít người ở vùng cao	840.000	
33	11	Đình Dương Quang Minh	23A5001D0201	1041776896	Vietcombank	17/06/2005	2350A02	Luật	2023 - 2027	Người dân tộc ít người ở vùng cao	840.000	
34	12	Lê Thị Như Quỳnh	23A5101D0216	1041777399	Vietcombank	11/12/2005	2351A02	Luật	2023-2027	Người dân tộc ít người ở vùng cao	840.000	
35	13	Nguyễn Thị Thu Tươi	24A5001D0337	1050773969	Vietcombank	19/10/2006	2450A01	Luật	2024 - 2028	Người dân tộc ít người ở vùng cao	840.000	
36	14	Hứa Quỳnh Hoa	25A5101D0108	8843040151	BIDV Lạng Sơn	19/06/2006	2551A01	Luật	2025-2029	Người dân tộc ít người ở vùng cao	840.000	
37	15	Mông Đức Hoàng	25A5101D0109	0067716779999	MB Lạng Sơn	19/05/2006	2551A02	Luật	2025-2029	Người dân tộc ít người ở vùng cao	840.000	
38	16	Hà Thị Phương Hoa	25A5101D0106	0333712206	MB Bắc Giang	01/01/2007	2551A02	Luật	2025-2029	Người dân tộc ít người ở vùng cao	840.000	
39	17	Nguyễn Lương Hải Vân	25A5201D0123	3600923970	BIDV Điện Biên	11/09/2007	2552A01	Luật	2025-2029	Người dân tộc ít người ở vùng cao	840.000	
40	1	Hoàng Quốc Tấn	23A1701D0195	1041774180	Vietcombank	26/06/2005	K26-TĐH3	Điện-Điện tử	2023-2028	Người dân tộc ít người ở vùng cao	840.000	
41	2	Hà Đình Thương	23A1701D0214	1041774297	Vietcombank	15/02/2005	K26-TĐH3	Điện-Điện tử	2023-2028	Người dân tộc ít người ở vùng cao	840.000	

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI**

Số TT	TT	Họ và tên	Mã số sinh viên	Số tài khoản	Tại Ngân hàng	Ngày sinh	Lớp	Khoa/Viện	Khóa học	Đối tượng	Số tiền	Ghi chú
42	3	Lý Trùy Tư	25A1201D0216	0336189376	MB Bank	27/02/2007	K28-ĐT3	Điện-Điện tử	2025-2030	Người dân tộc ít người ở vùng cao	840.000	
43	4	Hoàng Trường Vũ	25A1201D0232	10002198610	TP Bank	17/02/2007	K28-ĐT3	Điện-Điện tử	2025-2030	Người dân tộc ít người ở vùng cao	840.000	
44	1	Giáp Thị Thảo	22A4601D0192	1032585592	Vietcombank	11/04/2004	2246A01	Du lịch	2022-2026	Người dân tộc ít người ở vùng cao	840.000	
45	2	Nguyễn Tuyết Mai	23A4601D0136	1041689283	Vietcombank	28/09/2005	2346A01	Du lịch	2023-2025	Người dân tộc ít người ở vùng cao	840.000	
46	3	Đặng Đông Lâm	22A46010089	1032584790	Vietcombank	25/04/2004	2246A02	Du lịch	2022-2026	Người dân tộc ít người ở vùng cao	840.000	
47	4	Sa Đức Minh	22A460100135	1032585708	Vietcombank	01/08/2004	2246A02	Du lịch	2022-2027	Người dân tộc ít người ở vùng cao	840.000	
48	5	Mai Thị Thu Hương	22A4601D0073	1032585113	Vietcombank	28/08/2004	2246A02	Du lịch	2022-2026	Mồ côi cha mẹ	600.000	
49	1	Trần Hà Chi	23A7101D0110	1042946730	Vietcombank	10/10/2005	K30A6	Tiếng Anh	2023-2027	Người dân tộc ít người ở vùng cao	840.000	
50	2	La Thị Bích Phượng	24A7101D0309	1050859816	Vietcombank	03/02/2002	K31A8	Tiếng Anh	2024-2028	Người dân tộc ít người ở vùng cao	840.000	
51	3	Mai Thùy Dương	24A7101D0124	1050859439	Vietcombank	30/11/2006	K31A12	Tiếng Anh	2024-2028	Người dân tộc ít người ở vùng cao	840.000	
52	4	Lù Anh Quân	24A7101D0312	1051224532	Vietcombank	05/04/2006	K31A14	Tiếng Anh	2024-2028	Người dân tộc ít người ở vùng cao	840.000	
53	1	Dương Hằng Nga	22A7201D0181	1032475991	Vietcombank	22/10/2004	K29T6	Tiếng Trung Quốc	2022-2026	Người dân tộc ít người ở vùng cao	840.000	
54	2	Vì Thị Liên	22A7201D0135	1032476075	Vietcombank	26/11/2004	K29T2	Tiếng Trung Quốc	2022-2026	Người dân tộc ít người ở vùng cao	840.000	
55	3	Hoàng Thị Nghiệp	22A7201D0189	1032473469	Vietcombank	9/2/2003	K29T8	Tiếng Trung Quốc	2022-2026	Người dân tộc ít người ở vùng cao	840.000	
56	4	Nguyễn Thị Thủy Tiên	22A7201D0267	1032475280	Vietcombank	11/04/2003	K29T6	Tiếng Trung Quốc	2022-2026	Người dân tộc ít người ở vùng cao	840.000	
57	5	Nguyễn Trà My	25A7201D0194	1061540008	Vietcombank	16/12/2007	K32T2	Tiếng Trung Quốc	2025-2029	Người dân tộc ít người ở vùng cao	840.000	
<b>CỘNG</b>											<b>46.200.000</b>	

Bằng chữ: Bốn mươi sáu triệu hai trăm ngàn đồng chẵn./

Số: 209 /QĐ-ĐHM

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận sinh viên hưởng trợ cấp xã hội học kỳ I năm học 2025-2026 theo Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ (đợt 2)

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 535-TTg ngày 03/11/1993 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Viện Đại học Mở Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1723/QĐ-TTg ngày 12 tháng 08 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh sách các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị Quyết số 4899/2024/NQ-ĐHM-HĐT ngày 01/11/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Mở Hà Nội về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Mở Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg, ngày 23 tháng 12 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;

Căn cứ Quyết định số 1771/QĐ-ĐHM ngày 06/6/2022 của Trường Đại học Mở Hà Nội về việc ban hành Quy định công tác sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh của Trường Đại học Mở Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 3903/QĐ-ĐHM ngày 05/11/2025 của Trường Đại học Mở Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định công tác sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh của Trường Đại học Mở Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 1771/QĐ-ĐHM ngày 06/6/2022;

Căn cứ vào biên bản họp ngày 14/01/2026 của Hội đồng xét duyệt sinh viên được hưởng chế độ miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập và trợ cấp xã hội học kỳ I năm học 2025-2026 (đợt 2);

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Công tác Sinh viên, Trưởng Phòng Tài chính - Kế toán,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công nhận 06 sinh viên tại các Khoa/Viện chuyên ngành thuộc Trường (có danh sách kèm theo) được hưởng trợ cấp xã hội học kỳ I năm học 2025-2026 theo Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg, ngày 23 tháng 12 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ (đợt 2).

**Điều 2.** Các sinh viên được nhận tiền trợ cấp xã hội từ Nhà trường.

Kinh phí chi trả từ Ngân sách Nhà nước (loại 070.081): 3.600.000đ.

Bằng chữ: Ba triệu sáu trăm ngàn đồng chẵn./

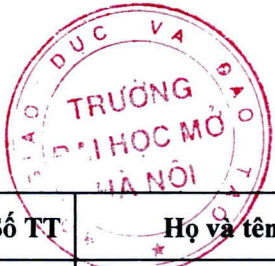
**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng Phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng Phòng Tài chính - Kế toán, Trưởng Phòng Công tác Sinh viên, các Trưởng Khoa/Viện chuyên ngành thuộc Trường và sinh viên có tên ở Điều 1 có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, Phòng CTSV.

  
PGS.TS Nguyễn Thị Nhung



**DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026**  
(Kèm theo Quyết định số 209/QĐ-ĐHM ngày 14/01/2026)

Số TT	Họ và tên	Mã sinh viên	Ngày sinh	Số TK	Tại ngân hàng	Khóa học	Lớp	Khoa	Đối tượng	Số tiền	Ghi chú
1	Trần Thị Mỹ Tâm	23A4701D0082	16/04/2005	1041656598	Vietcombank	2024 - 2028	K32TM2	Kinh tế	Sinh viên nghèo vượt khó	600.000	
2	Hoàng Thị Nga	25A4701D0078	19/09/2007	1061501354	Vietcombank	2025-2029	K34TM1	Kinh tế	Sinh viên nghèo vượt khó	600.000	
3	Bản Thị Thanh Huyền	25A4201D0124	18/10/2007	1061589472	Vietcombank	2025-2029	K34QT3	Kinh tế	Sinh viên nghèo vượt khó	600.000	
4	Nguyễn Thị Thùy Linh	25A4201D0153	30/01/2007	1061562659	Vietcombank	2025-2029	K34QT4	Kinh tế	Sinh viên nghèo vượt khó	600.000	
5	Nguyễn Thị Hương Giang	25A5001D0087	26/06/2007	1058951479	VCB Đô Lương	2025-2029	2550A01	Luật	Sinh viên nghèo vượt khó	600.000	
6	Nguyễn Thị Như Quỳnh	25A5001D0233	08/11/2007	2112174014	BIDV Hà Nội	2025-2029	2550A01	Luật	Sinh viên nghèo vượt khó	600.000	
	<b>Tổng cộng</b>									<b>3.600.000</b>	

**Bảng chữ: Ba triệu sáu trăm ngàn đồng chẵn./**